

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình đào tạo Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ quyết định số 79/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/01/2007 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng Nghề đường sắt I; Quyết định số 1029/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/8/2009 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt và quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH ngày 07/02/2017 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt thành Trường Cao đẳng Đường sắt;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu Trường quy định trong Điều lệ Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành tại Quyết định số 846/QĐ-ĐS ngày 30/7/2019 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật mỏ và kỹ thuật khác;

Xét đề nghị của Trường Phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Cao đẳng Lái tàu đường sắt. Thời gian đào tạo: 32 tháng (03 năm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trương Trọng Vương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 783/QĐ-CĐĐS ngày 15 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Đường sắt)

Tên ngành, nghề: Lái tàu đường sắt.

Mã ngành, nghề: 6840124

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 03 năm (32 tháng).

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cao đẳng lái tàu đường sắt nhằm cung cấp nhân lực nghề phụ lái tàu, lái tàu trình độ Cao đẳng cho các đơn vị, doanh nghiệp vận tải đường sắt.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:
 - + Nêu được thành phần đoàn tàu, cách thức tổ chức chạy tàu trên đường sắt;
 - + Mô tả được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống và thiết bị trên các loại đầu máy;
 - + Phân tích được các bản vẽ cấu tạo đầu máy;
 - + Nêu được nội dung Luật giao thông đường sắt;
 - + Nêu được nội dung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tín hiệu đường sắt;
 - + Nêu được nội dung tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chạy tàu và công tác đồn đường sắt;
 - + Nêu được nội dung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt;
 - + Nêu được đầy đủ các bước kiểm tra đối với mỗi loại đầu máy;
 - + Phân loại được các phương pháp và kỹ thuật lái tàu;
 - + Chỉ ra được các quy định tác nghiệp Ban lái tàu;
 - + Chỉ ra được các nội dung công việc giao ban lái tàu;
 - + Chỉ ra được nội dung thực hiện công tác lái tàu kiêm trưởng tàu hàng đoàn tàu có sử dụng thiết bị đuôi tàu;
 - + Mô tả được nội dung công việc trực ban đầu máy;
 - + Chỉ ra được các bước của quy trình kiểm tra, bảo dưỡng đầu máy;
- Kỹ năng :
 - + Đọc, vẽ được bản vẽ kỹ thuật cơ khí: bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp;
 - + Lập được bản vẽ phác, bản vẽ tách chi tiết;
 - + Thực hiện được các thao tác kiểm tra, chỉnh bị đầu máy theo đúng quy trình;
 - + Phát hiện và khắc phục được: các sai sót kỹ thuật khi kiểm tra đầu máy,

các hư hỏng phát sinh khi đầu máy đang vận hành;

+ Thực hiện được một số công việc quản lý, bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng đầu máy tốt;

+ Thao tác lái tàu thành thạo;

+ Chấp hành đúng các quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chạy tàu và các công lệnh, chỉ thị về chạy tàu;

+ Làm được một số công việc cơ bản của Lái tàu kiêm trưởng tàu hàng;

+ Tổ chức và hướng dẫn được Đội lái máy, tổ lái máy thực hiện công việc đảm bảo kỹ thuật, an toàn lao động;

- Chính trị, pháp luật:

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác Lênin và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Trình bày được đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp của địa phương, khu vực, vùng, miền.

+ Trung thành với đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam.

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật.

- Đạo đức, tác phong công nghiệp:

+ Trung thực trong học tập và kiểm tra;

+ Có tính kiên trì, cẩn thận;

+ Có ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng nhiên liệu, đảm bảo thời gian chạy tàu;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp;

+ Có tinh thần cầu thị, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ;

+ Luôn hợp tác và tuân thủ sự phân công trong học tập, lao động, thực hành;

+ Có tinh thần khiêm tốn giúp đỡ người khác;

+ Có tinh thần trách nhiệm cao, biết hỗ trợ nhau trong công việc;

- Thể chất và quốc phòng

+ Có đủ sức khỏe để làm việc lâu dài theo yêu cầu của nghề;

+ Vững vàng kiến thức cơ bản và tham gia hoạt động quân sự phổ thông, sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có cơ hội làm việc trong các đơn vị đầu máy; các công ty có sử dụng đầu máy diesel, với chức danh Phụ Lái tàu, Lái tàu hoặc Sửa chữa đầu máy, Trục ban đầu máy.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian của khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 36

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoa học: 145 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 3150 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 1096 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2313 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MĐ/ MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung		450	176	250	24
MH 01	Chính trị	6	90	60	24	6
MH 02	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
MH 03	Giáo dục quốc phòng và An ninh	5	75	36	35	4
MH 04	Tin học	5	75	15	58	2
MH 05	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
MH 06	Pháp luật	2	30	18	10	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn		3150	920	2063	167
II.1	Môn học, mô đun cơ sở		615	325	249	41
MĐ 07	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	90	40	46	4
MH 08	Nguyên lý máy và chi tiết máy	3	45	35	7	3
MH 09	Điện- điện tử	6	90	76	8	6
MH 10	Dung sai lắp ghép	2	30	25	3	2
MĐ 11	Cơ sở thiết kế chi tiết trên máy vi tính	2	60	17	41	2
MĐ 12	Đo lường kỹ thuật	2	60	21	35	4
MH 13	An toàn lao động	2	30	24	4	2
MH 14	Đường sắt thường thức	2	30	26	2	2
MH 15	Nhiên liệu và vật liệu bôi trơn	2	30	24	4	2
MH 16	Cấu tạo đoàn tàu	2	30	23	5	2
MĐ 17	Nguội cơ bản	3	120	14	94	12
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn		2535	595	1814	126
MH 18	Động cơ diesel trên đầu máy	5	75	56	14	5
MH 19	Bộ truyền động thủy lực và đảo chiều	2	30	20	8	2
MH 20	Bộ phận chạy	2	30	22	6	2
MH 21	Truyền động điện và điện đầu máy	5	75	55	15	5
MH 22	Hãm đầu máy	5	90	60	24	6

Mã MĐ/ MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
MH 23	Tổ chức quản lý sản xuất	2	30	26	2	2
MH 24	Tổ chức vận dụng đầu máy	3	45	35	7	3
MH 25	Pháp luật về đường sắt	6	120	79	33	8
MH 26	Kỹ thuật lái đầu máy	6	90	54	30	6
MH 27	Tổ chức vận tải hàng hóa và Thương vụ	3	45	38	5	2
MH 28	An toàn giao thông vận tải đường sắt	3	45	25	16	4
MĐ 29	Nghiệp vụ Lái tàu phụ trách đoàn tàu hàng sử dụng Thiết bị tín hiệu đuôi tàu	1	45	17	25	3
MĐ 30	Bảo dưỡng, sửa chữa đầu máy	6	280	22	248	10
MĐ 31	Thử nghiệm đầu máy	2	55	15	36	4
MĐ 32	Thực tập lái tàu cơ bản	7	280	45	215	20
MĐ 33	Thực tập kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa đầu máy	8	320	10	298	12
MĐ 34	Thực tập Lái tàu phụ trách đoàn tàu hàng sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu	6	240	0	232	8
MĐ 35	Thực tập Lái tàu	12	560	8	536	16
MĐ 36	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	2	80	8	64	8
	Tổng cộng	145	3600	1096	2313	191

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, giáo dục chính trị, văn hoá, xã hội thực hiện theo kế hoạch giáo dục chính trị ngoại khoá hàng năm.

- Sinh viên có thể tự nguyện đăng ký tham gia các lớp tin học, ngoại ngữ, sinh hoạt Câu lạc bộ học sinh, sinh viên ngoài giờ học chính khoá.

4.3. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun:

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực

hành... theo quy chế thi, kiểm tra hiện hành của Trường. Thời gian thi kết thúc môn học, mô đun được bố trí sau khi kết thúc môn học, mô đun và không nằm trong thời gian của môn học, mô đun.

- Thời gian thi:

+ Lý thuyết: không quá 120 phút

+ Thực hành: không quá 4 giờ

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết hoặc trắc nghiệm	Không quá 180 phút
2	Thực hành nghề nghiệp	Làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp	Không quá 8 giờ

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trong đào tạo hệ chính quy hiện hành của Trường và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và danh hiệu “Kỹ sư thực hành” cho người học theo quy định.

4.5. Các chú ý khác:

- Trong điều kiện cụ thể cho phép, có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến phần lý thuyết của một số môn học, mô đun theo quy chế đào tạo trực tuyến hiện hành của nhà trường

- Thực hành nghề tại cơ sở để hoàn thiện kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ của sinh viên. Do vậy, việc lựa chọn hình thức thực hành cũng như phân bổ thời gian tùy điều kiện từng cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn hình thức cho phù hợp nhưng đảm bảo thời lượng đã phê duyệt.

- Hàng tuần sinh viên có nghĩa vụ thực hiện từ 15 phút đến 30 phút tập trung chào cờ và sinh hoạt đầu tuần vào sáng thứ 2.

- Học lý thuyết 1 giờ là 45 phút, học thực hành và tích hợp 1 giờ là 60 phút, 1 tuần học 5 ngày không quá 30 giờ lý thuyết hoặc 40 giờ thực hành.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Lái tàu đường sắt

Mã ngành, nghề: 50840113

